

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ GIẢI THÍCH Ở VIỆT NAM

TRƯƠNG THỊ THU HÀ *

Tóm tắt: Từ điển thuật ngữ giải thích, từ điển thuật ngữ đối dịch và từ điển thuật ngữ giải thích và đối dịch là ba loại từ điển thuật ngữ chính được phân chia căn cứ vào hình thức và nội dung của từ điển. Ở Việt Nam, công trình được coi là từ điển thuật ngữ đầu tiên ra đời năm 1942, là một công trình từ điển thuật ngữ đối dịch. Trong khi đó, từ điển thuật ngữ giải thích đến tận năm 1950 mới xuất hiện. Từ đó đến nay, quá trình phát triển từ điển thuật ngữ ở Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Để có thể thấy được triển vọng của việc biên soạn từ điển thuật ngữ ở Việt Nam, bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng biên soạn từ điển thuật ngữ giải thích ở Việt Nam từ khi có công trình từ điển thuật ngữ đầu tiên cho đến hết năm 2020.

Từ khóa: Từ điển, từ điển thuật ngữ, từ điển thuật ngữ giải thích.

Abstract: Explanatory, multilingual and multilingual explanatory terminology dictionaries are three main types of terminology dictionaries that are classified based on the form and content of these dictionaries. In Vietnam, the first work that is considered a terminology dictionary appeared in 1942, it is a multilingual terminology dictionary. Meanwhile, explanatory terminology dictionaries did not appear until 1950. Since then, the process of developing the terminology dictionaries in Vietnam has gone through many different stages. In order to see the prospects of compiling the terminology dictionaries in Vietnam, the article focuses on studying the current situation of compiling the explanatory terminology dictionaries in Vietnam since the appearance of the first terminology dictionary until the end of 2020.

Keywords: Dictionary, terminology dictionary, explanatory terminology dictionary.

1. Dẫn nhập

Từ điển thuật ngữ cùng với từ điển ngôn ngữ và từ điển bách khoa đều là các công trình tra cứu. Tuy nhiên, khác với từ điển ngôn ngữ là từ điển “định nghĩa, giải thích các từ, chứ không giải thích các khái niệm, hiện tượng, sự vật tiềm ẩn trong từ và được biểu thị bằng từ ấy” [5, tr.92], “giải thích ý nghĩa và cách dùng của các từ và đơn vị tương đương với từ của ngôn ngữ” [1, tr.554], từ điển thuật ngữ là một loại từ điển khái niệm [5, tr.92]. Theo Nguyễn Khánh Hà, “Từ điển thuật ngữ là một tập hợp các thuật ngữ thuộc vào một lĩnh vực chủ đề cụ thể, tức là kiểu từ điển này hướng tới các nguồn từ vựng chuyên ngành chứ không phải toàn bộ từ vựng của một ngôn ngữ như từ điển phổ quát” [2, tr.41]. Còn theo Sager, “Từ điển thuật ngữ là một bản ghi chép các hệ thống biểu tượng và ký hiệu ngôn ngữ được con người áp dụng trong giao tiếp thuộc các khu vực tri thức và hoạt động có tính chuyên môn hóa” (dẫn theo [2, tr.42]). Như vậy, có thể nói, từ điển thuật ngữ là một từ điển khái niệm bao gồm các thuật ngữ hay từ ngữ có tính chuyên môn hóa của

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: truongthuha2008@yahoo.com

một ngành, một lĩnh vực khoa học nào đó. “Từ điển thuật ngữ luôn gắn bó chặt chẽ với thuật ngữ học” [7, tr.169]. Từ điển thuật ngữ vừa có điểm giống vừa có điểm khác với các loại từ điển khác. Từ điển thuật ngữ giống với từ điển ngôn ngữ là vừa có từ điển thuật ngữ giải thích (thường gọi là từ điển giải thích thuật ngữ hay từ điển định nghĩa thuật ngữ [6]) hay còn gọi là từ điển thuật ngữ đơn ngữ và từ điển thuật ngữ đối dịch hay còn gọi là từ điển thuật ngữ đa ngữ. Tuy nhiên, từ điển thuật ngữ không có hệ thống các từ loại như thán từ, trợ từ, trạng từ. Thêm vào đó, từ điển thuật ngữ giải thích nội dung các khái niệm, các hiện tượng, sự vật do từ biểu hiện trong khi từ điển ngôn ngữ lại có nhiệm vụ là định nghĩa, giải thích các từ, “cung cấp những thông tin về bản chất, ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, cách sử dụng,... các từ” [5, tr.93]. Từ điển thuật ngữ, cũng giống từ điển bách khoa ở chỗ cùng là từ điển khái niệm. Tuy nhiên, từ điển bách khoa, ngoài giải thích nội dung các khái niệm, các hiện tượng, sự vật do từ biểu thị còn có thêm các nội dung khoa học hay lịch sử (nội dung có tính bách khoa) của các sự vật, hiện tượng,... biểu thị bởi các từ đó.

Ở Việt Nam, công trình đầu tiên được coi là từ điển thuật ngữ ra đời năm 1942. Đó là công trình *Danh từ khoa học* của tác giả Hoàng Xuân Hãn [8, tr.20-21]. Từ đó đến nay, quá trình phát triển từ điển thuật ngữ ở Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Để có thể thấy được triển vọng của việc biên soạn từ điển thuật ngữ ở Việt Nam, bài viết này tập trung tìm hiểu thực trạng biên soạn từ điển thuật ngữ giải thích (TĐTNGT), một trong ba loại từ điển thuật ngữ, từ khi có công trình từ điển thuật ngữ đầu tiên ở Việt Nam cho đến hết năm 2020. Nguồn tư liệu của bài viết này là các cuốn TĐTNGT được lưu trữ tại Thư viện Quốc

gia Việt Nam và Thư viện Khoa học xã hội do Viện Thông tin Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam quản lý, đồng thời đối chiếu với các công trình được kê trong *Kiểm kê Từ điển học Việt Nam* [4] của tác giả Vũ Quang Hào do Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2005.

2. Thực trạng biên soạn từ điển thuật ngữ giải thích ở Việt Nam

2.1. Thực trạng biên soạn từ điển thuật ngữ giải thích ở Việt Nam giai đoạn trước năm 1945

Từ năm 1945 trở về trước, ở Việt Nam chỉ có 2 công trình được coi là từ điển thuật ngữ. Đó là các công trình: *Danh từ khoa học, Tập 1: Toán, Lý, Hóa, Cơ, Thiên văn* của tác giả Hoàng Xuân Hãn, in năm 1942 tại Nhà in Trung Bắc Tân Văn và *Danh từ khoa học: Vạn vật học, Sinh, Sinh lý, Động vật, Thực vật, Địa chất...* của tác giả Đào Văn Tiến, in năm 1945 tại Nhà in Gió mới. Cả hai công trình này đều là công trình từ điển thuật ngữ đối dịch đa ngành. Ở giai đoạn này, Việt Nam chưa có công trình TĐTNGT nào.

2.2. Thực trạng biên soạn từ điển thuật ngữ giải thích ở Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1974

Từ năm 1946 đến năm 1974, ở Việt Nam có 2 công trình TĐTNGT. So với 17 công trình từ điển thuật ngữ đối dịch trong giai đoạn này [3] thì đây là một con số khá khiêm tốn. Hai công trình TĐTNGT đó là:

1/ *Danh từ khoa học: Vạn vật học, Sinh, Sinh lý, Động vật, Thực vật, Địa chất* của tác giả Đào Văn Tiến do Nxb. Minh Tân ở Sài Gòn xuất bản năm 1950. Công trình này có dung lượng là 106 trang, khổ 19 cm. Bảng mục từ của công trình chỉ gồm các đơn vị về Vạn vật học, Sinh, Sinh lý, Động

vật, Thực vật, Địa chất được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt.

2/ *Từ điển Chính trị* do tác giả B. N. Pônômarép làm Chủ biên và do Nxb. Sự thật biên dịch sang tiếng Việt năm 1962. Công trình này có dung lượng là 952 trang, khổ 22 cm. Bảng mục từ của công trình chỉ gồm 900 đơn vị về Chính trị, Triết học, Phong trào cộng sản, Công nhân quốc tế, Pháp luật, Ngoại giao quốc tế, Lịch sử, Địa lý, Chính trị kinh tế học, Mỹ học, Tôn giáo.

Trong giai đoạn từ năm 1946 đến năm 1974, các công trình TĐTNGT bao phủ các ngành và chuyên ngành sau: Chính trị học, Địa chất, Sinh học (Sinh, Sinh lý, Động vật, Thực vật), Vạn vật học. Trong số 2 công trình này, công trình *Danh từ khoa học: Vạn vật học, Sinh, Sinh lý, Động vật, Thực vật, Địa chất* là công trình đa ngành còn công trình *Từ điển Chính trị* là công trình đơn ngành.

So sánh với các công trình từ điển thuật ngữ đối dịch giai đoạn này thì các ngành hay chuyên ngành mà các TĐTNGT bao phủ ít hơn khá nhiều. Các từ điển thuật ngữ đối dịch bao phủ 16 ngành và chuyên ngành. (Cụ thể xin xem [3]). Trong đó chỉ có một chuyên ngành mà cả hai loại từ điển đều có là chuyên ngành Địa chất.

2.3. Thực trạng biên soạn từ điển thuật ngữ giải thích ở Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2020

Từ năm 1975 đến hết năm 2020, ở Việt Nam có tổng cộng 96 công trình TĐTNGT, chỉ bằng 35,16% số lượng công trình từ điển thuật ngữ đối dịch (273 công trình) trong giai đoạn này được xuất bản/tái bản [3]. Tình hình xuất bản/tái bản các công trình TĐTNGT giai đoạn này cụ thể như sau (Xem bảng 1):

Bảng 1. Các công trình TĐTNGT ở Việt Nam giai đoạn 1975-2020

TT	Năm xuất bản/tái bản	Số lượng	Tỉ lệ (%)	TT	Năm xuất bản/tái bản	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	1975	1	1,04	25	1999	3	3,13
2	1976	0	0,00	26	2000	3	3,13
3	1977	2	2,08	27	2001	6	6,25
4	1978	0	0,00	28	2002	7	7,29
5	1979	2	2,08	29	2003	4	4,17
6	1980	1	1,04	30	2004	2	2,08
7	1981	3	3,13	31	2005	5	5,21
8	1982	3	3,13	32	2006	4	4,17
9	1983	0	0,00	33	2007	1	1,04
10	1984	1	1,04	34	2008	2	2,08
11	1985	2	2,08	35	2009	7	7,29
12	1986	5	5,21	36	2010	4	4,17
13	1987	0	0,00	37	2011	1	1,04
14	1988	0	0,00	38	2012	1	1,04
15	1989	1	1,04	39	2013	4	4,17
16	1990	0	0,00	40	2014	1	1,04
17	1991	1	1,04	41	2015	3	3,13
18	1992	0	0,00	42	2016	2	2,08
19	1993	1	1,04	43	2017	0	0,00
20	1994	1	1,04	44	2018	2	2,08
21	1995	0	0,00	45	2019	1	1,04
22	1996	1	1,04	46	2020	1	1,04
23	1997	5	5,21	Tổng cộng		96	99,99
24	1998	2	2,08				

Qua bảng trên có thể thấy, trong suốt 46 năm, từ năm 1975 đến hết năm 2020, gần như không có năm nào là không có công trình TĐTNGT được xuất bản/tái bản. Chỉ có 9 năm, năm 1976, 1978, 1983, 1987, 1988, 1990, 1992, 1995 và 2017 là không có công trình TĐTNGT nào được xuất bản/tái bản. Trong giai đoạn này, các công trình TĐTNGT được xuất bản/tái bản khá đều đặn và liên tục về thời gian. Tính trung bình, trong giai đoạn này, mỗi năm có 2,09 công trình TĐTNGT được xuất bản/tái bản, nhiều gấp 29,86 lần so với giai đoạn 1946-1974 (0,07 công trình/năm). Năm có nhiều ấn phẩm TĐTNGT được xuất bản/tái bản là năm 2002 và năm 2009 (7 ấn phẩm = 7,29%) còn năm có số lượng ấn phẩm TĐTNGT được xuất bản/tái bản ít nhất là các năm 1975, 1980, 1984, 1989, 1991, 1993, 1994, 1996, 2007, 2011, 2012, 2014, 2019, 2020 (1 ấn phẩm).

Trong giai đoạn 1975-2020, các công trình TĐTNGT được xuất bản/tái bản tại 3 tỉnh thành ở Việt Nam và 1 công trình (*Từ điển giải thích Thỏ nhường học* do các nhà khoa học Liên Xô thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô biên soạn, Lê Văn Khoa, Lê Đức biên dịch; Vũ Ngọc Tuyên hiệu đính) được xuất bản tại Matxcova, Nga (Nxb. Mir xuất bản). Cụ thể như sau: Cà Mau (1 công trình - 1,04%), Hà Nội (93 công trình - 96,88%), Matxcova - Nga (1 công trình - 1,04%) và Thành phố Hồ Chí Minh (1 công trình - 1,04%). Trong đó, Hà Nội là nơi có nhiều công trình TĐTNGT được in ấn nhất (93/96 công trình - 96,88%). Ba tỉnh thành còn lại, mỗi nơi xuất bản/tái bản một công trình (1,04%). Trong giai đoạn này có 1 công trình được in ấn tại nước ngoài (Matxcova, Nga).

Trong giai đoạn 1975-2020, có tổng cộng 27 đơn vị tham gia xuất bản/tái bản

các công trình TĐTNGT. Nxb. Giáo dục (và sau năm 2009 là Nxb. Giáo dục Việt Nam) là đơn vị phát hành nhiều công trình TĐTNGT nhất (33/96 công trình, chiếm 34,38%). Kế đến là Nxb. Khoa học và Kỹ thuật cũng có một số lượng công trình đáng kể (15/96 công trình - 15,63%). Đa phần (15/27 đơn vị, chiếm 55,56%) là các đơn vị chỉ xuất bản/tái bản 1 công trình. Có 6 đơn vị (22,22%) xuất bản/tái bản 2 công trình, 1 đơn vị (3,70%) xuất bản/tái bản 4 công trình, 2 đơn vị (7,41%) xuất bản/tái bản 5 công trình, 1 đơn vị (3,70%) xuất bản/tái bản 7 công trình. Trong số các đơn vị tham gia xuất bản/tái bản TĐTNGT giai đoạn 1975-2020 có một nhà xuất bản nước ngoài là Nxb. Mir, Matxcova, Nga (*Xem bảng 2*).

Trong giai đoạn từ năm 1975-2020, các công trình TĐTNGT bao phủ các ngành và chuyên ngành sau: Cơ khí, Công binh, Công nghệ, Di truyền học, Địa chất, Địa lý, Giáo dục học, Hành chính, Hóa học, Kế toán, Kỹ thuật, Kiểm toán, Kinh tế, Luật học, Nhiên liệu, Phong cách học, Quân sự, Sinh học, Sử học, Tài chính - tín dụng, Tâm lý học, Tế bào học, Thi pháp học, Thỏ nhường học, Thống kê, Tin học, Toán học, Tôn giáo, Tu từ học, Văn hóa, Văn học, Vật lý, Xã hội học, Xuất bản, Y học,...

Trong số 96 công trình TĐTNGT giai đoạn từ năm 1975-2020 có 88 công trình (91,67%) là công trình đơn ngành và 8 công trình (8,33%) là công trình đa ngành.

Trong số các công trình đơn ngành, đáng chú ý nhất là công trình *Từ điển Sinh học phổ thông* do Lê Đình Lương chủ biên, Nguyễn Bá, Thái Trần Bái, Bùi Đình Hội, Trần Kiên tham gia biên soạn, Nxb. Giáo dục xuất bản tại Hà Nội lần đầu năm 2001, tái bản lần thứ nhất năm 2002, lần thứ hai năm 2003 và lần thứ ba năm 2005. Nội

Bảng 2. Các đơn vị xuất bản/tái bản TĐTNGT ở Việt Nam giai đoạn 1975-2020

TT	Đơn vị xuất bản/tái bản	Số lượng
1	Bộ Tư lệnh Công binh	1
2	Cục Khoa học Quân sự	1
3	Nxb. Công an Nhân dân	1
4	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội	5
5	Nxb. Giáo dục (Nxb. Giáo dục Việt Nam)	33
6	Nxb. Giao thông Vận tải	1
7	Nxb. Hà Nội	1
8	Nxb. Hội Nhà văn	1
9	Nxb. Hồng Đức	1
10	Nxb. Khoa học và Kỹ thuật	15
11	Nxb. Khoa học xã hội	2
12	Nxb. Lao động xã hội	1
13	Nxb. Mir	1
14	Nxb. Nông nghiệp	1
15	Nxb. Phương Đông	1
16	Nxb. Quân đội Nhân dân	1
17	Nxb. Sự thật	2
18	Nxb. Tài chính	2
19	Nxb. Thế giới	2
20	Nxb. Thống kê	4
21	Nxb. Tôn giáo	2
22	Nxb. Tổng cục Thống kê	1
23	Nxb. Tp. Hồ Chí Minh	1
24	Nxb. Từ điển bách khoa	5
25	Nxb. Văn hóa - Thông tin	2
26	Nxb. Y học	7
27	Viện Thông tin Y học Trung ương	1
Tổng cộng		96

dung công trình không thay đổi qua các lần tái bản. Công trình này có dung lượng là 319 trang, khổ 24 cm, giải thích các thuật ngữ, khái niệm sinh học mang tính phổ thông, cơ bản, hiện đại và giới thiệu một số con vật, cây cối thường gặp hoặc mang dấu ấn tiến hóa đại diện cho các lớp sinh vật trong tự nhiên với nhiều hình minh họa.

Công trình gồm 3 phần chính: *Lời nói*

đầu, Phần từ điển và Tài liệu tham khảo chính.

Lời nói đầu giới thiệu vài nét chung về sự phát triển của khoa học Sinh học trên thế giới và ở Việt Nam, mục đích của cuốn từ điển, cách thức lựa chọn các mục từ và quy ước biên soạn các mục từ. Phần cuối *Lời nói đầu* giới thiệu về đội ngũ biên soạn, đối tượng của cuốn từ điển cùng mong muốn nhận được ý kiến đóng góp của các độc giả của nhóm tác giả.

Phần từ điển có tổng số khoảng hơn 2.000 mục từ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt và theo dấu thanh điệu. Các thuật ngữ, khái niệm được lựa chọn trong từ điển là các thuật ngữ, khái niệm thuộc ngành Sinh học mà học sinh được học ở bậc phổ thông, bao gồm thuật ngữ và tên gọi khác của thuật ngữ (tên gọi khác của thuật ngữ được chú dẫn đến mục từ chính). Phần từ điển có 7 loại mục là: Thực vật học; Động vật học; Vi sinh học; Giải phẫu, sinh lý người và vệ sinh; Sinh thái học; Di truyền học và Học thuyết tiến hóa. Trong phần này còn một số hình minh họa là hình ảnh một số sinh vật, bản đồ giải phẫu,... Các hình minh họa này in đen trắng và được trình bày dưới hai hình thức: riêng biệt thành trang riêng hoặc gắn liền với mục từ.

Có ba loại mục từ trong công trình: mục từ ngắn, mục từ vừa và mục từ dài. Mục từ ngắn có độ dài từ khoảng trên dưới 20 chữ đến dưới 100 chữ. Mục từ vừa có độ dài từ

100 chữ đến dưới 300 chữ và mục từ dài có độ dài trên 300 chữ. Các mục từ được bố trí thành hai cột trên mỗi trang và được trình bày cụ thể như sau:

1/ Tên mục từ: được in hoa đậm.

Nếu mục từ có thêm thông tin chú thích thì các thông tin này sẽ được để trong ngoặc đơn và đặt ngay sau tên mục từ. Các thông tin này có thể là thông tin về phạm vi sử dụng của thuật ngữ, tên khoa học của thuật ngữ, tên gọi khác của thuật ngữ,... Nếu thông tin chú thích là tên khoa học của thuật ngữ thì được in nghiêng còn các thông tin khác thì được in thường. Ví dụ: **ALORON** (hạt), **NHÍM** (*Hystrix Hodgsoni*), **THAI SINH** (đẻ con),...

2/ Nội dung mục từ:

Đối với mục từ chuyển dẫn: Nội dung mục từ chính là nội dung chuyển dẫn gồm từ viết tắt *x.* và tên mục từ được chuyển dẫn đến. Nội dung này được đặt trong ngoặc đơn và in bằng kiểu chữ thường và nghiêng. Riêng tên mục từ được chuyển dẫn đến được viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất. Ví dụ: **THÂN CỎ**. (*x. Thân thảo*).

Đối với mục từ chính: nội dung mục từ được in thường, các ví dụ được in nghiêng. Ngoài ra, một số thuật ngữ được nêu trong mục từ có thể được in nghiêng tùy nội dung trình bày. Cuối mục từ có thể có thông tin chú dẫn đến mục từ khác. Thông tin chú dẫn này cũng được trình bày như trong mục từ chuyển dẫn.

Đối với mục từ đa nghĩa: các nghĩa được đánh số bằng chữ số Ả Rập và được trình bày thành từng khối riêng biệt. Mỗi khối này là nội dung của từng nghĩa được trình bày thành một hoặc nhiều đoạn khác nhau tùy nội dung. Số thứ tự và nội dung của nghĩa ngăn cách nhau bằng một dấu chấm.

Ví dụ:

BÀO NANG. 1. Tế bào vi sinh vật...

2. Giai đoạn phát triển của sản lá...

Phần nội dung mục từ được ngăn cách với phần tên mục từ bằng một dấu chấm in đậm. Ví dụ: **NHIỄM SẮC THỂ THƯỜNG**. Các nhiễm sắc thể không phải là nhiễm sắc thể giới tính.

3/ Hình (tranh, ảnh, sơ đồ,...) minh họa: được in đen trắng. Các hình minh họa có nhiều kích thước khác nhau, có thể nhỏ khoảng chừng 2 cm × 6 cm đến 1/2 trang giấy tùy nội dung minh họa.

Công trình *Từ điển Sinh học phổ thông* được biên soạn nhằm giải thích ngắn gọn “những thuật ngữ Sinh học đã trở nên phổ biến trong đời sống hàng ngày, trong học tập, giảng dạy, trong sản xuất, dịch vụ và trong giao lưu xã hội” đã phản ánh những khái niệm, phạm trù cơ bản, phổ biến trong lĩnh vực Sinh học mà các học sinh Việt Nam được học ở bậc phổ thông.

Công trình *Từ điển Sinh học phổ thông* có điểm mạnh là các loại tri thức trong từ điển khá phong phú, cung cấp tương đối đầy đủ những tri thức cơ bản về chủ đề nêu ở đầu mục. Các mục về cơ bản được trình bày súc tích về nội dung, nhất quán, hài hòa về hình thức nên rất thuận tiện cho việc tra cứu. Đây là kết quả làm việc nghiêm túc của một đội ngũ các nhà biên soạn gồm nhiều giáo sư, tiến sĩ, cán bộ giảng dạy và chuyên viên trong lĩnh vực Sinh học.

Công trình *Từ điển Sinh học phổ thông* có điểm yếu là một số mục từ có nội dung giải thích chưa được rõ ràng, gây khó hiểu cho người tra cứu. Đây là điểm các nhà biên soạn sau này cần lưu ý khi thực hiện biên soạn một công trình từ điển thuật ngữ nào đó.

Tuy nhiên, nhìn khái quát, đây là một công cụ tra cứu không chỉ cần thiết đối với các em học sinh phổ thông, các thầy cô giáo dạy phổ thông mà còn rất hữu ích đối với các độc giả có trình độ phổ thông trung học quan tâm đến các vấn đề cơ bản của lĩnh vực Sinh học. Công trình có thể xem là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc biên soạn từ điển thuật ngữ có quy mô lớn hơn về lĩnh vực Sinh học.

Trong số các công trình đa ngành, đáng chú ý nhất là công trình *Từ điển Kỹ thuật công nghệ (dùng cho học sinh - sinh viên)* do Phạm Văn Khôi chủ biên, Nxb. Giáo dục Việt Nam xuất bản tại Hà Nội năm 2009. Công trình này có dung lượng là 739 trang, khổ 21 cm, giải thích khoảng hơn 5.000 mục từ thuật ngữ cơ bản, phổ biến thuộc lĩnh vực Kỹ thuật - Công nghệ.

Công trình gồm 5 phần chính: *Lời Nhà xuất bản, Lời nói đầu, Cách dùng từ điển, Phần từ điển và Tài liệu tham khảo chính.*

Lời Nhà xuất bản giới thiệu chương trình *Từ điển và sách tra cứu giáo dục* và kế hoạch thực hiện chương trình trên của Nxb. Giáo dục Việt Nam (thành lập Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục). Trong phần này, Nxb. Giáo dục Việt Nam cũng giới thiệu những sản phẩm mà Nhà xuất bản đã thực hiện được từ năm 2007-2009.

Lời nói đầu trình bày khái quát về loại công trình, đối tượng mà công trình hướng tới, nơi công tác của các tác giả biên soạn công trình. Tiếp đến, *Lời nói đầu* trình bày khái quát căn cứ biên soạn công trình cũng như nguyên tắc xây dựng bảng mục từ và nguyên tắc biên soạn mục từ. *Lời nói đầu* cũng trình bày mục đích biên soạn công trình: “Nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học hiện đại”. Cuối *Lời nói đầu* là những lời bày tỏ lòng biết ơn của tập thể các tác giả

đối với lãnh đạo Nxb. Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục - Nxb. Giáo dục Việt Nam đã bỏ nhiều công sức để đưa công trình đến với các độc giả và những bày tỏ sự mong muốn nhận được sự góp ý của độc giả để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

Cách dùng từ điển giới thiệu cách trình bày trong từ điển để độc giả biết cách tra cứu.

Phần từ điển có tổng số khoảng hơn 5.000 mục từ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt. Các mục từ được lựa chọn dựa vào các từ điển khoa học kỹ thuật ở trong nước và các từ điển, sách, báo kỹ thuật - công nghệ mới của nước ngoài. Từ điển không chỉ thu thập các thuật ngữ đã có từ lâu trong tiếng Việt mà còn thu thập các thuật ngữ biểu thị các khái niệm khoa học kỹ thuật mới.

Tài liệu tham khảo chính giới thiệu 19 công trình được sử dụng để tham khảo trong quá trình biên soạn từ điển.

Về mặt hình thức, các mục từ trong từ điển được trình bày khá khoa học. Đầu mục từ được viết tắt bằng chữ hoa trong phần tường giải. Các từ đồng âm khác nghĩa được đánh số Ả Rập ở phần trên cuối từ. Các nghĩa khác nhau của từ đa nghĩa được đánh số Ả Rập. Các cách gọi khác của thuật ngữ được ghi bằng chữ thường đậm nghiêng và được đặt trong dấu ngoặc đơn, sau chữ viết tắt “cg.” (có nghĩa là “còn gọi là”). Từ viết tắt cũng được đặt trong dấu ngoặc đơn và ghi bằng chữ thường nghiêng. Các mục từ chuyển chú được ghi bằng chữ thường đậm nghiêng. Thứ tự và kiểu chữ: đầu mục từ - chữ hoa đậm; phần tường giải - chữ thường không nghiêng. Ví dụ:

CẬP BÁNH RĂNG Hai bánh răng ăn khớp với nhau làm nhiệm vụ truyền chuyển động trong các cơ cấu máy. CBR phải có

thông số hình học chính xác - là phương tiện đơn giản nhất truyền chuyển động quay nhanh và công suất lớn từ một trục (trục chủ động, lắp BR chủ động) đến một trục thứ hai (trục bị động, lắp BR bị động). Tỷ số giữa vận tốc góc của bánh chủ động và bánh bị động gọi là hệ số truyền động. Còn tỷ số răng giữa bánh chủ động và bánh bị động gọi là tỷ số truyền. CBR có được gắn trên hai trục cắt nhau, chéo nhau hoặc song song. x. ***bánh răng, ăn khớp bánh răng và các hình vẽ.***

Công trình *Từ điển Kỹ thuật công nghệ (dùng cho học sinh - sinh viên)* có ưu điểm là đã được tập thể các tác giả đều là các cán bộ có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy các bộ môn kỹ thuật - công nghệ công tác tại các trường đại học và cơ sở nghiên cứu có uy tín về đào tạo kỹ thuật - công nghệ như Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất,... biên soạn. Điều này đảm bảo cho công trình có chất lượng cao cả về hình thức lẫn nội dung. Cách trình bày trong các mục từ khá khoa học và nhất quán về cấu trúc. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho các độc giả trong công việc tra cứu. Các mục từ trong từ điển được trình bày ngắn gọn, súc tích phù hợp với các đối tượng tra cứu. Thêm nữa, từ điển không chỉ thu thập các thuật ngữ đã có từ lâu trong tiếng Việt mà còn thu thập nhiều thuật ngữ mới, biểu thị những khái niệm khoa học mới. Điều đó giúp cho việc giảng dạy và học tập thuận lợi hơn rất nhiều. Độc giả được cập nhật những kiến thức mới nhất có thể. Không chỉ thế, cuốn từ điển còn có vai trò quan trọng trong việc thống nhất và chuẩn hóa hệ thống thuật ngữ kỹ thuật - công nghệ tiếng Việt đã được đề ra từ lâu nay ở Việt Nam.

Công trình *Từ điển Kỹ thuật công nghệ (dùng cho học sinh - sinh viên)* có điểm yếu là dành đồng thời cho cả đối tượng là học sinh và sinh viên các trường dạy nghề, chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học. Do đặc thù mục đích học tập cũng như trình độ giữa học sinh và sinh viên không giống nhau nên nội dung giải thích của cuốn từ điển sẽ có những chỗ không đáp ứng được nhu cầu tra cứu của các bạn học sinh cũng như các bạn sinh viên.

Tuy nhiên, nhìn khái quát, công trình là kết quả nhiều năm giảng dạy, nghiên cứu dày công phu của các tác giả - những người đang hoạt động trong các lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ nên có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các học sinh, sinh viên các trường dạy nghề, chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học phải học các môn kỹ thuật hay các cán bộ làm kỹ thuật. Không chỉ thế, công trình còn là tài liệu tham khảo có giá trị cho việc biên soạn các công trình từ điển thuật ngữ chuyên ngành kỹ thuật - công nghệ có quy mô lớn hơn hoặc nhỏ hơn.

3. Triển vọng của việc biên soạn từ điển thuật ngữ giải thích

Cùng với sự phát triển của đất nước, các công trình từ điển thuật ngữ không chỉ tăng lên về số lượng mà còn tăng lên về chất lượng. Bên cạnh số lượng lớn các công trình từ điển thuật ngữ đối dịch được xuất bản/tái bản, nhiều công trình từ điển thuật ngữ giải thích cũng đã được biên dịch, biên soạn để đáp ứng sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực khoa học hiện nay ở Việt Nam. Tính cho đến hết năm 2020, từ điển thuật ngữ Việt Nam đã có 97 công trình từ điển thuật ngữ giải thích do 27 đơn vị xuất bản in ấn ở 3 tỉnh thành trong nước và 1 đơn vị xuất bản in ấn ở nước ngoài. Các công trình này đã góp phần to lớn vào

sự nghiệp phát triển khoa học và giáo dục của nước nhà. Tuy nhiên, con số này còn khiêm tốn. So với từ điển thuật ngữ đối dịch (292 công trình [3]), số lượng các công trình từ điển thuật ngữ giải thích chỉ chiếm 33,22%. Giai đoạn trước năm 1945 không có công trình từ điển thuật ngữ giải thích nào được xuất bản/tái bản. Giai đoạn 1946-1974 có 2 công trình từ điển thuật ngữ giải thích. Giai đoạn 1975-2020 cũng chỉ có 96 công trình từ điển thuật ngữ giải thích. Do vậy, có thể nói đây là mảng cần được quan tâm, đầu tư nghiên cứu biên soạn trong thời gian tới. Thêm vào đó, các công trình từ điển thuật ngữ giải thích hiện có cũng chưa bao phủ hết các ngành (chuyên ngành). Vẫn còn rất nhiều ngành (chuyên ngành) chưa có từ điển thuật ngữ như: Bảo tàng học, Dược học, Lưu trữ học, Nhân học, Từ điển học, An ninh, Âm thực, Công nghệ vật liệu, Điện ảnh, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Sân khấu, Thể dục thể thao, Thiên văn học, Thư viện học, Trang phục, Tự động hóa,... Không chỉ thế, các công trình từ điển thuật ngữ giải thích hiện có cũng cần được chỉnh sửa, bổ sung sao cho cập nhật với các kiến thức mới đang ngày càng đa dạng, phong phú cũng như kịp với tốc độ phát triển hiện nay của các ngành khoa học. Có như vậy thì từ điển thuật ngữ giải thích mới phát huy hết khả năng là công cụ tra cứu, học tập cũng như đáp ứng được nhu cầu của độc giả ngày nay.

4. Kết luận

Trên đây là kết quả khảo sát về các công trình từ điển thuật ngữ giải thích ở Việt

Nam từ khi xuất hiện công trình đầu tiên được coi là từ điển thuật ngữ (1942) đến hết năm 2020. Mặc dù đã cố gắng nhưng chắc chắn bài viết vẫn còn nhiều thiếu sót. Thêm nữa, do khuôn khổ có hạn của bài báo nên còn nhiều vấn đề về từ điển thuật ngữ giải thích chưa đề cập đến hoặc chưa trình bày được cặn kẽ trong bài viết này. Chúng tôi hy vọng sẽ có dịp trình bày đầy đủ, cụ thể hơn các vấn đề về từ điển thuật ngữ giải thích trong công trình có quy mô lớn hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thiện Giáp, *Từ điển khái niệm Ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016.
- [2] Nguyễn Khánh Hà, “Về phương pháp biên soạn từ điển thuật ngữ”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 4(18), tr.41-46, 2012.
- [3] Trương Thị Thu Hà, “Từ điển thuật ngữ đối dịch ở Việt Nam”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 4(78), tr.39-46, 2022.
- [4] Vũ Quang Hào, *Kiểm kê Từ điển học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [5] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Lịch sử - lý luận và thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.
- [6] Đức Kỳ, “Về công tác biên soạn từ điển thuật ngữ của ta hiện nay”, *Ngôn ngữ*, số 3, tr.31-35, 1973.
- [7] Hà Quang Năng, *Thuật ngữ học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2012.
- [8] Chu Bích Thu, “Giới thiệu sơ lược về từ điển và từ điển học Việt Nam”, *Ngôn ngữ*, số 14, tr.12-26, 2001.